

# TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MĨ THUẬT ĐẾN PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG - NHA TRANG

ĐỖ VĂN SỸ\*

Ngày nhận bài: 25/06/2016; ngày sửa chữa: 04/07/2016; ngày duyệt đăng: 05/07/2016.

**Abstract:** The tendency of educational reform today at universities and colleges, especially in the pedagogic ones is synchronous development of learner's quality and competences, concentrating on testing and assessment. Testing and assessment of learning results in general and learning process in particular aim to improve quality of learning towards developing learner's competences is existing demands of society and the education integration trend in our country today.

**Keywords:** Quality and capacity, quality and competences, testing and assessment.

Đề án đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đã xác định tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, cơ bản và đồng bộ các yếu tố cơ bản của GD-ĐT theo hướng coi trọng và phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Trong đó, đổi mới kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) là khâu đột phá.

Với chủ trương đó, phương pháp dạy học (PPDH) được chú trọng đổi mới, từ dạy học theo lối "truyền thụ một chiều" sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất cho người học. Chuyển cách KT, ĐG kết quả giáo dục từ nặng về "kiểm tra trí nhớ" sang KT, ĐG năng lực vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề; coi trọng KT, ĐG kết quả học tập với KT, ĐG quá trình để có những tác động kịp thời nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động dạy học, làm cơ sở cho việc tiến tới dạy học và KT, ĐG theo hướng phát triển năng lực của người học. Đây là nhu cầu của thực tiễn xã hội và cũng là xu thế hội nhập giáo dục của nước ta hiện nay.

## 1. Mục tiêu đào tạo giáo viên *Mĩ thuật* theo hướng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp

Sinh viên (SV) sư phạm *Mĩ thuật* là những giáo viên tương lai, đối tượng hoạt động của họ là học sinh, phụ huynh học sinh. Môi trường hoạt động đặc trưng của SV là hoạt động cùng học sinh, giáo viên và với người khác. Hầu hết các hoạt động này là hoạt động *tương tác liên cá nhân* trong môi trường giáo dục có mục đích, luôn đòi hỏi sự phong phú, đa dạng của các xúc cảm, tình cảm, các tương tác xã hội thích hợp nhằm kiểm soát, biến đổi chủ thể trong quá trình giáo dục. Vì vậy, SV sư phạm *Mĩ thuật* phải có khả năng nhạy cảm trong các tình huống tương tác, thấu hiểu nhu cầu, hứng thú,

tình cảm và hoàn cảnh của học sinh, có khả năng kiểm soát, xử lý, hóa giải các xung đột nảy sinh trong quá trình dạy học. Để làm được điều đó, họ phải có năng lực nhận thức, hành động, năng lực ứng xử xã hội và trong các tình huống; phải thể hiện được tính mẫu mực, sư phạm, nhân văn và tính tích cực.

Để hình thành phẩm chất và năng lực cho SV sư phạm *Mĩ thuật* sẽ có rất nhiều khâu, nhiều công đoạn của quá trình đào tạo được thực hiện trong trường sư phạm. Trong đó, khâu KT, ĐG giữ vai trò hết sức quan trọng, nhằm xác lập và hình thành các năng lực để đảm bảo SV sư phạm nói chung và SV sư phạm *Mĩ thuật* - Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang đủ điều kiện đáp ứng được các đặc thù của nghề nghiệp theo yêu cầu của xã hội.

## 2. Các hình thức tổ chức KT, ĐG kết quả học tập học phần PPDH *Mĩ thuật* trong Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang hiện nay

**2.1. Đánh giá quá trình** được tiến hành một cách thường xuyên, nhằm nắm bắt tình hình học tập của SV để có những thay đổi, điều chỉnh quá trình dạy học cho phù hợp, cụ thể: - *Kiểm tra tự học của SV* (nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, thực hiện các công việc theo yêu cầu của giảng viên (GV), ý thức chuẩn bị bài); - *Kiểm tra quá trình học tập* được tiến hành trong khoảng thời gian ngắn ngay trên tiết dạy, nhằm đánh giá sự tiến bộ của SV trong việc nắm bắt và vận dụng kiến thức ở mỗi nội dung bài học, từng chương, từng phần.

Có các hình thức đánh giá đa dạng, như: kiểm tra vấn đáp, trắc nghiệm; kiểm tra viết; thảo luận; làm bài

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang

tập nhóm; viết tiểu luận. Về kế hoạch: có những nội dung kiểm tra GV thông báo trước để SV có sự chuẩn bị, những bài kiểm tra này nội dung thường yêu cầu SV thể hiện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn (mang tính tổng hợp cao); có những bài kiểm tra đột xuất, nội dung thường chỉ có tính tìm hiểu về ý thức học bài, chuẩn bị bài của SV nhằm tạo cho các em thói quen, ý thức tự học, tự nghiên cứu. Việc lưu trữ điểm được thể hiện trong sổ điểm của GV để tiện theo dõi, quản lý việc học và đánh giá sự tiến bộ của từng SV; ghi nhận điểm thưởng cho những SV tích cực, có ý thức học tập, có mong muốn cải thiện điểm quá trình. Những trường hợp này đều phải công khai trước tập thể để SV biết.

**2.2. Đánh giá giữa học phần** thực hiện theo quy định trong đề cương chi tiết học phần, nội dung được thông báo trước cho SV. Đánh giá giữa học phần nhằm tìm hiểu việc nắm kiến thức của SV sau khi học xong khoảng 1/2 chương trình. Nội dung KT, ĐG các kiến thức lí luận chung về PPDH *Mĩ thuật*, kiến thức kĩ thuật có liên quan và thực hành thiết kế kế hoạch dạy học của SV. Hình thức KT, ĐG thường là tự luận hoặc trắc nghiệm. Việc KT, ĐG giữa học phần giúp GV có những đánh giá khách quan và kịp thời bổ sung những kiến thức mà SV còn chưa vững, chỉ ra những hạn chế của SV về cách xác định kiến thức trọng tâm, cách trình bày nội dung; đồng thời củng cố lại kiến thức và hướng dẫn SV tìm hiểu, mở rộng thêm kiến thức trong các tài liệu và các học phần có kiến thức liên quan; cảnh báo những SV còn thiếu tập trung trong học tập để các em cố gắng trong thời gian tới.

**2.3. Đánh giá kết thúc học phần** được tổ chức dưới các hình thức thi tự luận, vấn đáp, thực hành và sử dụng các câu hỏi trong “ngân hàng đề thi” để đánh giá. Nội dung đề thi được tổ hợp từ những kiến của chương trình học phần, với các cấp độ câu hỏi xác định theo mức độ yêu cầu về kiến thức dựa theo thang đánh giá năng lực nhận thức của Bloom.

- *Với nội dung thi tự luận, vấn đáp*: Đề thi cần làm rõ các mức độ yêu cầu về kiến thức; yêu cầu SV phải nhớ được các kiến thức cơ bản của nội dung học phần. Ở mức độ cao hơn, yêu cầu SV phải biết phân tích, giải thích, trình bày hoặc lập luận vấn đề để làm sáng tỏ hơn kiến thức có trong học phần.

- *Với nội dung thi thực hành*: Yêu cầu SV phải thực hiện một phần của nội dung tiết dạy theo chương trình *Mĩ thuật* do Bộ GD-ĐT ban hành. Để thực hiện nội dung này, SV phải biết tổng hợp, vận dụng các kiến thức từ lí luận dạy học đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành *Mĩ thuật*, nắm vững đặc điểm đối tượng học sinh về năng lực tạo hình, khả năng hoạt động mới có thể xác định đúng mục tiêu, nội dung dạy học phù hợp. Trong

đó, SV phải có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo các PPDH, sử dụng có hiệu quả các đồ dùng dạy học trực quan mới thực hiện tốt được nội dung theo yêu cầu đề ra. Kết thúc nội dung thực hành, SV phải trả lời được các câu hỏi của GV về những nội dung đã thực hiện nhằm kiểm chứng mức độ thông hiểu, qua đó giúp GV củng cố vững chắc thêm cơ sở đánh giá và SV cũng nhận thức rõ hơn những điểm còn hạn chế phải bổ sung, khắc phục.

Thang điểm cho mỗi câu hỏi cũng nâng cao dần theo độ khó của từng tiêu chí đánh giá. Các tiêu chí đã thể hiện tính khách quan và đảm bảo GV đánh giá tương đối chính xác được SV trong việc: nhận định các kiến thức cốt lõi, các kiến thức liên môn, liên ngành mà SV phải vận dụng vào trong quá trình thực hiện bài thi. Mặt khác, với đặc thù là SV sư phạm nên hình thức thi vấn đáp - thực hành, cho phép GV đánh giá được những năng lực cơ bản mà SV cần phải hướng đến, SV cũng thể hiện được hết khả năng của mình từ PPDH đến kĩ năng thực hành sư phạm; qua đó, có ý thức rèn luyện, trao dồi kĩ năng nghiệp vụ thường xuyên hơn.

**3. Những tác động tích cực của việc KT, ĐG học phần PPDH *Mĩ thuật* đến việc phát triển phẩm chất, năng lực của SV Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang**

**3.1. Tăng cường cho SV năng lực giải quyết vấn đề**

Năng lực giải quyết vấn đề là tổ hợp các năng lực thể hiện ở các kĩ năng (tư duy và hoạt động) trong hoạt động học tập nhằm giải quyết có hiệu quả những nhiệm vụ của bài học. Để đánh giá năng lực này của SV, các nội dung KT, ĐG trong học phần PPDH *Mĩ thuật* thường đề cập đến các nội dung trọng tâm của bộ môn, như: phân tích chương trình, kế hoạch dạy học, phân tích nội dung các bước tiến hành tiết dạy học phần *Mĩ thuật*. Các nội dung này đã buộc SV phải suy nghĩ về nội dung kiến thức trọng tâm trong quá trình giải quyết nhiệm vụ nhằm giúp SV rèn luyện khả năng trình bày, mô tả, suy luận, phân tích, giải thích vấn đề, cách lựa chọn các hình tượng nghệ thuật... trong một tình huống dạy học cụ thể hoặc trong một chủ đề học tập. Trên cơ sở đó, SV sẽ chủ động, tự chiếm lĩnh tri thức, phát triển năng lực lập kế hoạch, năng lực định hướng, hợp tác và các kĩ năng tư duy.

**3.2. Nâng cao năng lực sáng tạo**. Năng lực sáng tạo là năng lực tự chuyển tải những tri thức kĩ năng từ lĩnh vực quen biết vào tình huống mới, vận dụng kiến thức đã học vào trong hoàn cảnh mới phù hợp với điều kiện thực tiễn.

*Mĩ thuật* là nghệ thuật của sự sáng tạo, GV dạy *Mĩ thuật* phải có khả năng sáng tạo. Việc sáng tạo được thể hiện qua cách chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học có sức cuốn hút, hấp dẫn; vận dụng các phương

pháp, biện pháp dạy học phù hợp, linh hoạt; thiết kế các trò chơi, hình thức thi đua để cuốn hút SV tham gia vào nội dung bài học... Do đó, các nội dung KT, ĐG tính sáng tạo của SV trong học phần *PPDH Mĩ thuật* thường là các tình huống dạy học có trong thực tiễn, đòi hỏi SV phải biết suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo trong quá trình thực hiện; có những đề xuất phù hợp, thiết thực để giải quyết hiệu quả vấn đề. Ví dụ, với học sinh lớp 2, các em chưa biết cách bố cục bài vẽ theo mẫu thế nào cho hài hòa, cân đối, giáo viên sẽ xử lý như thế nào để hướng dẫn học sinh đạt được kết quả theo yêu cầu bài vẽ.

Ngoài ra, khi KT, ĐG có rất nhiều tình huống sư phạm đặt ra cần SV có cách giải quyết hết sức sáng tạo. Chẳng hạn, với ví dụ trên, nhiều SV sáng tạo thêm các loại đồ dùng trực quan khác nhau để hướng dẫn học sinh tìm ra cách bố cục bài vẽ đẹp nhất, song cũng có SV lại lựa chọn hình thức trò chơi sắp xếp lại hình vẽ để cuốn hút học sinh tham gia; từ đó, gợi mở cho học sinh nhận xét và rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.

**3.3. Phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp.** Năng lực hợp tác, giao tiếp là khả năng tương tác, giao tiếp giữa SV với SV, với tập thể và với GV bằng nhiều phương tiện khác nhau nhằm đạt mục đích nhất định trong học tập và cuộc sống.

Với học phần *PPDH Mĩ thuật*, có rất nhiều nội dung kiến thức được KT, ĐG dưới các hình thức thảo luận nhóm, thuyết trình, bài tập phân tích, thực hành sư phạm... SV phải có sự hợp tác, hỗ trợ cùng nhau để hoàn thành nội dung. Các hình thức này giúp SV biết cách phối hợp, hợp tác với nhau trong học tập, thiết lập và phát triển được các mối quan hệ, biết tự rút kinh nghiệm, tự điều chỉnh phương pháp học tập của bản thân để trao đổi kiến thức và hoàn thiện kĩ năng sống.

**3.4. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ nghệ thuật.** Năng lực cảm thụ nghệ thuật là khả năng cảm nhận, rung động của mỗi cá nhân trong việc nhận ra vẻ đẹp, giá trị thẩm mĩ của sự vật, hiện tượng, con người và cuộc sống. Đây là năng lực đặc thù của SV chuyên ngành Mĩ thuật. Để KT, ĐG năng lực này của SV, học phần *PPDH Mĩ thuật* thường yêu cầu SV phải thực hiện các bài tập: phân tích tác phẩm, hình tượng nghệ thuật, các yếu tố tạo hình và mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm. Để hoàn thành bài tập, SV phải thường xuyên tiếp cận, tìm hiểu các kiến thức mĩ thuật, tác phẩm nghệ thuật, các bài viết phê bình nghệ thuật... Quá trình xem, nghiên cứu, phân tích có chủ định, SV sẽ có những cảm nhận sâu sắc hơn về nghệ thuật và những giá trị thẩm mĩ. Từ đó, SV biết cách thể hiện những cảm nhận của mình bằng hình tượng nghệ thuật sinh động; biết diễn đạt sự hiểu biết của mình bằng các ngôn ngữ giàu hình

ảnh, có khả năng sáng tạo ra những đồ dùng trực quan phù hợp có tính sư phạm, thẩm mĩ cao trong dạy học.

**3.5. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.** Với dạy học *Mĩ thuật*, khối lượng tri thức về nghệ thuật vô cùng rộng lớn, sự hiểu biết của SV là không đủ; còn những kiến thức về *PPDH Mĩ thuật* SV học trong nhà trường chỉ là cơ sở ban đầu. Do đó, để SV có được những kiến thức sâu rộng về nghệ thuật tạo hình, về *PPDH Mĩ thuật* thì điểm cơ bản của quá trình học tập bộ môn là phải hình thành cho SV khả năng tiếp cận, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua quá trình tự học, tự nghiên cứu. Ngoài những tri thức được GV giảng dạy trực tiếp, SV còn được chỉ dẫn cách tìm kiếm kiến thức trong các tài liệu học tập. Việc thường xuyên KT, ĐG các nội dung chuẩn bị trước của SV về bài học trước khi lên lớp, các bài tập nhóm theo yêu cầu của GV buộc SV phải có ý thức tự học, tự nghiên cứu, tự tìm hiểu trau dồi thêm kiến thức về môn học. Cách làm này góp phần hình thành cho SV phương pháp tự học, tự quản lí, xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu phù hợp cho mỗi em. Đây cũng là một phần quan trọng trong việc chuyển đổi từ *PPDH* truyền thống sang phương pháp tự học, tự đánh giá mà học phần *PPDH Mĩ thuật* đang hướng tới.

**3.6. Tăng cường năng lực dạy học.** KT, ĐG học phần *PPDH Mĩ thuật* góp phần tăng cường năng lực dạy học cho SV. Các bài tập thuyết trình, phân tích, thực hành sư phạm sẽ hình thành cho SV khả năng diễn đạt ngôn ngữ biểu cảm, giàu tính sư phạm, giản dị, trong sáng, phù hợp đối tượng HS. Bên cạnh đó, quá trình KT, ĐG nếu được khuyến khích cho điểm, SV sẽ tích cực hơn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các trang mạng thông tin như Internet, bảng hình, bảng tiếng; những hình ảnh, biểu đồ để trình chiếu, chuyển tải các nội dung trong các buổi thuyết trình hoặc giảng tập. Qua đó, năng lực sử dụng công cụ dạy học của SV cũng được tăng cường.

**3.7. Hình thành và phát triển những phẩm chất quan trọng của nghề dạy học.** KT, ĐG học phần *PPDH Mĩ thuật* góp phần hình thành và phát triển những phẩm chất quan trọng của giáo viên *Mĩ thuật* tương lai: - SV sẽ gắn bó và yêu thích môn học, thấy được những giá trị của hoạt động nhóm, của tập thể đối với bản thân; - Việc KT, ĐG công khai, cho điểm công bằng sẽ hình thành ở SV ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong nghề; - Nội dung và hình thức KT, ĐG của học phần sẽ khuyến khích SV ham muốn tìm tòi, suy nghĩ sáng tạo, tính tự chủ và tinh thần vượt khó; - SV thêm yêu ngành, yêu nghề.

**4. Những điểm cần được bổ sung và hướng đến trong KT, ĐG nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của SV**

(Xem tiếp trang 221)

quý nhưng đất đai của Ê-ti-ô-pi-a đối với chúng tôi là thiêng liêng, cao quý nhất vì nó đã nhuộm thắm máu và nước mắt của bao thế hệ, chúng tôi phải gìn giữ nó. Vì thế, chúng tôi không thể để các ông mang đi dù chỉ là một hạt cát nhỏ”.

Đây là cách củng cố bài vừa hấp dẫn, vừa hiệu quả. Một khi tình huống được tạo ra, nó sẽ giúp HS liên tưởng một cách tích cực giữa tri thức bài học với ý nghĩa từ trong câu chuyện. Kết quả của việc giải quyết tình huống từ những TK luôn làm cho tri thức bài học được tiếp thu một cách sâu sắc và lâu bền. Củng cố bài học bằng TK cũng làm cho giờ học kết thúc một cách nhẹ nhàng, gây tâm lí hào hứng đón chờ giờ học tiếp theo.

Trên đây là ba cách thức sử dụng TK cơ bản trong bài dạy đạo đức lớp 10 môn *GDCD*. Tùy theo mục đích bài giảng, GV linh hoạt vận dụng các cách thức khác nhau. Trong đó, thiết lập mối quan hệ hợp lí giữa nội dung tri thức và nội dung của TK là ưu tiên hàng đầu trong quá trình chọn lựa.

3. Trong hệ thống các tư liệu dạy học môn *GDCD*, TK một khi được sử dụng đúng lúc, đúng mức, đúng yêu cầu sẽ luôn đem lại hiệu quả cao, đặc biệt là đối với các

bài học đạo đức. Điều này xuất phát từ chính giá trị của bản thân TK trong việc giáo dục nhân cách và đặc thù tri thức của các bài dạy đạo đức. Để khai thác hiệu quả TK, lí luận và thực tiễn cho thấy rằng bên cạnh nguồn TK phải đảm bảo tính thẩm mỹ, giáo dục thì kĩ năng sử dụng TK của GV gắn liền với năng lực chọn truyện, xác lập phương cách, chất giọng, cử chỉ, ngôn từ, phong cách,... đóng vai trò quyết định đến hiệu quả của việc sử dụng nguồn tư liệu đặc thù này. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Chu Huy (2003). *Dạy kể chuyện ở trường tiểu học*. NXB Giáo dục.
- [2] Bộ GD-ĐT (2007). *Giáo dục công dân 10*. NXB Giáo dục.
- [3] Nguyễn Nghĩa Dân (1997). *Đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức và Giáo dục công dân*. NXB Giáo dục.
- [4] Đinh Văn Đức - Dương Thị Thúy Nga (2010). *Dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Giáo dục công dân lớp 10*. NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Nguyễn Thị Kim Oanh (2010). *Một số biện pháp phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh trung học phổ thông trong học tập môn Giáo dục công dân*. Tạp chí Giáo dục, số 236, tháng 4/2010, tr 42-43; 63.

## Tác động tích cực của kiểm tra,...

(Tiếp theo trang 218)

**4.1. Về nội dung:** Cần thể hiện đầy đủ, khoa học, đảm bảo nội dung không chỉ đánh giá được về mặt kiến thức, kĩ năng mà còn đánh giá được cả thái độ của SV trong quá trình học tập. Đánh giá quá trình, kiểm tra giữa học phần (thường do GV bộ môn tự KT, ĐG) cần được xây dựng với những mục tiêu cụ thể, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Đánh giá kết thúc học phần cần xây dựng thêm các câu hỏi có nội dung mở, tạo điều kiện để SV thể hiện được năng lực xử lí vấn đề trong các tình huống cụ thể, sát thực. Qua đó, giúp GV đánh giá được các năng lực xã hội cần thiết của SV (kĩ năng giao tiếp, hợp tác, năng lực sử dụng các công cụ dạy học). Tiêu chí đánh giá cần được cụ thể hóa chi tiết, khoa học, đảm bảo sự thống nhất cho nhiều GV khi cùng đánh giá năng lực của một SV.

**4.2. Về hình thức:** Cần đa dạng hơn nữa các hình thức KT, ĐG, tăng cường hình thức làm bài tập phân tích, tổng hợp, bài tiểu luận; giảm bớt hình thức kiểm tra tự luận, từng bước xây dựng hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Công khai nội dung, tiêu chí đánh giá, hướng tới quá trình KT, ĐG phải trở thành quá trình tự đánh giá và có tác dụng thúc đẩy động lực học tập của SV.

\*\*\*

KT, ĐG là khâu hết sức quan trọng trong dạy học ở các trường sư phạm, khẳng định chất lượng đầu ra của sản phẩm đào tạo. Để công tác KT, ĐG góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học theo định hướng đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, rất cần mỗi GV phải có động lực đổi mới. Đây là vấn đề mỗi GV phải suy ngẫm và có ý thức tự bồi dưỡng, hoàn thiện nghiệp vụ bản thân mình. Bên cạnh sự nỗ lực của GV, cũng cần có sự hỗ trợ từ phía nhà trường trong việc tổ chức các chuyên đề, các buổi tập huấn, trao đổi để công tác KT, ĐG của GV ngày càng đạt kết quả cao hơn. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Công Khanh (2014). *Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Hoàng Thị Tuyết (2013). *Phát triển chương trình đại học theo cách tiếp cận năng lực: Xu thế và nhu cầu*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [3] A. Gonczy - Hager - Paul - J. Athanasou (1993). *The development of competency based assessment strategies for the Professions*. Canberra. National Office of Overseas skills Recognition.
- [4] M. Mulder - T. Weigel - K. Collins (2007). *The Concept of Competence in the Development of Vocational Education and Training in Selected EU Member States*. A Critical Analysis, Journal of Vocational Education and Training.